

Số: 176/TTr-UBND

Bắc Giang, ngày 28 tháng 5 năm 2024

TỜ TRÌNH

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH VÀ HĐND TỈNH BẮC GIANG	
Số: 3720	ĐẾN
Ngày: 31.1.5.2024	
Chuyên: TL kỳ họp 17 HĐND tỉnh.	

Dự thảo Nghị quyết bãi bỏ 12 Nghị quyết của HĐND tỉnh

Kính gửi: HĐND tỉnh khoá XIX, kỳ họp thứ 17

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 05 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 05 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 năm 12 năm 2020 của Chính phủ. UBND tỉnh trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết bãi bỏ 12 Nghị quyết của HĐND tỉnh như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Điều 12 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 được sửa đổi tại Khoản 3 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2020 quy định: “1. Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được ... bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó...”; “3. Một văn bản quy phạm pháp luật có thể được ban hành để đồng thời sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ nội dung trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật do cùng cơ quan ban hành...”.

Điểm a khoản 1 Điều 143 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL quy định: “1. ...a) Bãi bỏ toàn bộ văn bản được áp dụng trong trường hợp đối tượng điều chỉnh của văn bản không còn hoặc toàn bộ quy định của văn bản trái, chồng chéo, mâu thuẫn với văn bản là căn cứ để rà soát hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội mà không cần thiết ban hành văn bản để thay thế;”.

2. Cơ sở thực tiễn

Tại Danh mục văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh Bắc Giang ban hành cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới trong kỳ hệ thống hóa 2019-2023 có 12 Nghị quyết của HĐND tỉnh thuộc nhiều lĩnh vực quản lý Nhà nước cần xử lý bằng hình thức “Bãi bỏ”.

Lý do đề nghị bãi bỏ là đối tượng điều chỉnh của văn bản không còn hoặc phần lớn quy định của văn bản trái, chồng chéo, mâu thuẫn với văn bản pháp luật là căn cứ pháp lý ban hành; không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội mà không cần thiết ban hành văn bản để thay thế; văn bản đã được rà soát nhưng chưa xử lý trong kỳ hệ thống hóa kỳ 2014-2018; văn bản không quy định thời gian văn bản hết hiệu lực và không thuộc trường hợp văn bản QPPL hết hiệu lực quy định tại Điều 154 Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015.

Việc ban hành 01 Nghị quyết để bãi bỏ 12 Nghị quyết trong kỳ hệ thống hóa 2019-2023 sẽ rút ngắn thời gian soạn thảo và đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống văn bản QPPL.

Từ cơ sở chính trị, pháp lý và cơ sở thực tiễn nêu trên, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bãi bỏ 12 Nghị quyết của HĐND tỉnh.

(Có danh mục các Nghị quyết đề nghị bãi bỏ, lý do bãi bỏ kèm theo)

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành Nghị quyết

Thực hiện xử lý 12 văn bản QPPL của HĐND tỉnh trong kỳ hệ thống hóa văn bản 2019-2023; đồng thời đảm bảo đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch trong hệ thống văn bản pháp luật.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

- Xác định chính xác, đầy đủ 12 Nghị quyết cần bãi bỏ trong kỳ hệ thống hóa văn bản 2019-2023;

- Đảm bảo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2020; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP và đảm bảo phù hợp Hiến pháp, hệ thống pháp luật hiện hành cũng như tình hình thực tiễn tại địa phương.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh: bãi bỏ 12 Nghị quyết của HĐND tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng: các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

UBND tỉnh đã chỉ đạo xây dựng dự thảo Nghị quyết, gửi lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan. Kết quả, 29 cơ quan có ý kiến nhất trí, 01 cơ quan có ý kiến tham gia (đã được nghiên cứu, giải trình).

UBND tỉnh xem xét thông qua dự thảo Tờ trình, Nghị quyết tại phiên họp tháng 4/2024 và Ban Pháp chế HĐND thẩm tra theo luật định.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết gồm 02 Điều:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ 12 Nghị quyết của HĐND tỉnh Bắc Giang

Điều 2. Điều khoản thi hành

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ 12 Nghị quyết của HĐND tỉnh Bắc Giang gồm

1. Nghị quyết số 51/2001/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2001 Quy định về việc cấp kinh phí hoạt động cho đại biểu HĐND tỉnh ở đơn vị sản xuất kinh doanh, đại biểu không thuộc biên chế nhà nước;

2. Nghị quyết số 31/2008/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2008 Về việc Quy định chính sách hỗ trợ giáo viên mầm non; đào tạo cán bộ y tế; phụ cấp cán bộ, công chức bộ phận “một cửa”; cán bộ thú y cơ sở; bổ sung đối tượng, nội dung hưởng chính sách hỗ trợ từ “Quỹ hỗ trợ ổn định đời sống, học tập, đào tạo nghề và việc làm cho người dân khi Nhà nước thu hồi từ 50% đất sản xuất nông nghiệp trở lên”;

3. Nghị quyết số 26/2009/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2009 Sửa đổi điểm c, khoản 3, Điều 1, Nghị quyết số 31/2008/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2008 của HĐND tỉnh khóa XVI, kỳ họp thứ 14 về Quy định chính sách hỗ trợ giáo viên mầm non; đào tạo cán bộ y tế; phụ cấp cán bộ, công chức bộ phận “một cửa”; cán bộ thú y cơ sở; bổ sung đối tượng, nội dung hưởng chính sách hỗ trợ từ “Quỹ hỗ trợ ổn định đời sống, học tập, đào tạo nghề và việc làm cho người dân khi Nhà nước thu hồi từ 50% đất sản xuất nông nghiệp trở lên”;

4. Nghị quyết số 07/2010/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2010 Quy định nhiệm vụ chi kinh phí sự nghiệp môi trường do ngân sách Nhà nước bảo đảm trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

5. Nghị quyết số 32/2010/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2010 Về cấp vốn ban đầu và trích lập Quỹ phát triển đất;

6. Nghị quyết số 32/2011/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2011 Quy định chế độ đóng góp và miễn giảm đối với người sau cai nghiện ma túy tại Trung tâm Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh;

7. Nghị quyết số 29/2015/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2015 Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư cho các huyện, thành phố giai đoạn 2016-2020;

8. Nghị quyết số 12/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2016 Quy định mức thu học phí tại các cơ sở giáo dục công lập tỉnh Bắc Giang từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021;

9. Nghị quyết số 34/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 Quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng cảng, bến thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2017-2020;

10. Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 Quy định chính sách hỗ trợ cứng hóa đường trục thôn, đường liên thôn và đường nội đồng gắn với giao thông liên thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2017-2021;

11. Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2018 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của HĐND tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ cứng hóa đường trục thôn, đường liên thôn và đường nội đồng gắn với giao thông liên thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2017-2021;

12. Nghị quyết số 37/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 Ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Nghị quyết được HĐND tỉnh Bắc Giang Khóa XIX, Kỳ họp thứ 17 thông qua ngày 06 tháng 6 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 16 tháng 6 năm 2024.

VI. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN

Dự thảo Nghị quyết đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với quy định pháp luật hiện hành; đồng thời, không có ý kiến khác nhau giữa các cơ quan.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết bãi bỏ 12 Nghị quyết của HĐND tỉnh, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết nghị.

(Gửi kèm theo: (i) dự thảo Nghị quyết bãi bỏ 12 Nghị quyết của HĐND tỉnh; (ii) dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh; (iii) Báo cáo số 71/BC-BPC ngày 28/5/2024 của Ban Pháp chế, HĐND tỉnh về Kết quả thẩm tra dự thảo Nghị quyết bãi bỏ 12 Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang; (iv) Báo cáo số 100/BC-STP ngày 08/4/2024 của Sở Tư pháp tổng hợp ý kiến đóng góp của các cơ quan, đơn vị đối với dự thảo Nghị quyết bãi bỏ 12 Nghị quyết của HĐND tỉnh; (v) Danh mục các Nghị quyết cần xử lý bằng hình thức bãi bỏ trong kỳ hệ thống hóa 2019-2023; (vi) bản tham gia ý kiến của các cơ quan, đơn vị)./.

Nơi nhận:

- Như trên (04b);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Pháp chế, HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, các phòng;
- Lưu: VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Thế Tuấn

DANH MỤC

Các Nghị quyết đề nghị xử lý bằng hình thức bãi bỏ trong kỳ hệ thống hóa 2019-2023
(Kèm theo Tờ trình số 176/TTr-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2024 của UBND tỉnh)



STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu, ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị bãi bỏ
1.	Nghị quyết	51/2001/NQ-HĐND ngày 25/7/2001	Quy định về việc cấp kinh phí hoạt động cho đại biểu HĐND tỉnh ở đơn vị sản xuất kinh doanh, đại biểu không thuộc biên chế nhà nước	<p>Các căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết số 51/2001/NQ-HĐND đến nay đã hết hiệu lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 1994 đã hết hiệu lực và được thay thế bằng Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003; + Nghị quyết số 301/NQ-UBTVQH ngày 25/6/1996 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Quy chế hoạt động của HĐND các cấp đã hết hiệu lực và được thay thế bằng Nghị quyết số 753/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02/4/2005 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Quy chế hoạt động của HĐND các cấp. - Mặt khác, tình hình kinh tế - xã hội đất nước nói chung, trên địa bàn tỉnh Bắc Giang nói riêng từ năm 2001 đến nay đã có nhiều thay đổi, do đó, mức kinh phí cấp cho đại biểu HĐND quy định trong Nghị quyết số 51/2001/NQ-HĐND không còn phù hợp. - Tại Danh mục kết quả hệ thống hóa kỳ 2014-2018 ban hành kèm theo Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 28/02/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh đã xác định hình thức bãi bỏ văn bản này, tuy nhiên, chưa được tham mưu xử lý theo quy định.
2.	Nghị quyết	31/2008/NQ-HĐND ngày 10/12/2008	Về việc Quy định chính sách hỗ trợ giáo viên mầm non; đào tạo cán bộ y tế; phụ cấp cán bộ, công chức bộ phận "một cửa"; cán bộ thùy cơ sở; bổ sung đối tượng, nội dung hưởng chính sách hỗ trợ từ "Quỹ hỗ trợ ổn định đời sống, học tập, đào tạo nghề và việc làm	<p>- Căn cứ pháp lý ban hành: Tại thời điểm ban hành, các văn bản là căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết số 31/2008/NQ-HĐND là phù hợp. Tuy nhiên, tại thời điểm rà soát, văn bản là căn cứ pháp lý để ban hành đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng văn bản khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thông tư liên tịch số 05/2003/TTLT/BGD&ĐT-BNV-BTC ngày 24/02/2003 của Bộ GD&ĐT-Bộ Nội vụ-Bộ Tài chính hướng dẫn một số chính sách phát triển giáo dục mầm non đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng Thông tư liên tịch số 09/2013/TTLT-BGDĐT-BTC-BNV ngày 11/3/2013 của Bộ GD&ĐT-Bộ Tài chính-Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chi hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non theo quy định tại Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg ngày 26/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định một số chính sách phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2011-2015. + Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg ngày 22/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, một cửa

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu, ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị bãi bỏ
			cho người dân khi Nhà nước thu hồi từ 50% đất sản xuất nông nghiệp trở lên"	<p>liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương.</p> <p>- Về nội dung: Nghị quyết số 31/2008/NQ-HĐND quy định 05 chế độ chính sách. Tuy nhiên, đến nay 03 chính sách (bao gồm: chính sách hỗ trợ giáo viên mầm non; chính sách hỗ trợ đào tạo cán bộ y tế; bổ sung đối tượng, nội dung hưởng chính sách hỗ trợ từ "Quỹ hỗ trợ ổn định đời sống, học tập, đào tạo nghề và việc làm cho người dân khi Nhà nước thu hồi từ 50% đất sản xuất nông nghiệp trở lên" quy định tại Khoản 1, 2, 5 Điều 1) đã hết hiệu lực thi hành và 02 chính sách còn hiệu lực thi hành nhưng không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, cụ thể:</p> <p>+ Điểm a, b khoản 3 Điều 1 đến nay không còn được áp dụng:</p> <p>"3. Phụ cấp cán bộ, công chức bộ phận "một cửa"</p> <p>a) Mức phụ cấp 200.000 đồng/người/tháng đối với cán bộ, công chức bộ phận "một cửa" cấp tỉnh, cấp huyện.</p> <p>b) Mức phụ cấp 100.000 đồng/người/tháng đối với cán bộ, công chức bộ phận "một cửa" cấp xã".</p> <p>Do áp dụng mức phụ cấp quy định tại Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 11/7/2013 của HĐND tỉnh Quy định mức chi cho bảo đảm công tác cải cách hành chính Nhà nước và các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.</p> <p>+ Điểm c khoản 3 Điều 1 đã được sửa đổi bởi Điều 1 Nghị quyết số 26/2009/NQ-HĐND ngày 09/12/2009 sửa đổi điểm c, khoản 3, Điều 1; Nghị quyết số 31/2008/NQ-HĐND ngày 10/12/2008 của HĐND tỉnh.</p> <p>+ Khoản 4 Điều 1 quy định phụ cấp cán bộ thú y cơ sở là "a) Cán bộ thú y xã, thị trấn: Hưởng theo trình độ chuyên môn (đại học hệ số 2,34; Cao đẳng hệ số 2,10; Trung cấp hệ số 1,86)</p> <p>b) Cán bộ thú y thôn bản: Mức tối thiểu bằng mức phụ cấp Trưởng các đoàn thể thôn, bản do Ngân sách huyện, thành phố cân đối" không còn phù hợp Điều 5 Nghị định số 35/2016/NĐ-CP quy định Chế độ, chính sách đối với nhân viên thú y ở xã, phường, thị trấn</p> <p>1. Căn cứ vào yêu cầu hoạt động thú y trên địa bàn và khả năng cân đối nguồn lực của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đề nghị Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định bố trí nhân viên thú y xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là nhân viên thú y xã) theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 của Luật thú y.</p> <p>(Khoản 2 Điều 6 của Luật thú y quy định: Căn cứ vào yêu cầu hoạt động thú y trên địa bàn và</p>

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	<p style="text-align: center;">Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị bãi bỏ</p>
				<p>khả năng cân đối nguồn lực của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đề nghị Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định bố trí nhân viên thú y xã, phường, thị trấn.)</p> <p>2. Nhân viên thú y xã được hưởng chế độ phụ cấp và bảo hiểm y tế theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và được thực hiện chế độ bảo hiểm theo quy định tại Luật bảo hiểm xã hội năm 2014.</p> <p>(Khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 29/2013/NĐ-CP quy định: 3. Điều 14 được sửa đổi, bổ sung như sau:</p> <p>“Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được hưởng chế độ phụ cấp và chế độ bảo hiểm y tế. Ngân sách trung ương thực hiện khoán quỹ phụ cấp, bao gồm cả 3% bảo hiểm y tế để chi trả hàng tháng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cấp xã loại 1 được khoán quỹ phụ cấp bằng 20,3 tháng lương tối thiểu chung; 2. Cấp xã loại 2 được khoán quỹ phụ cấp bằng 18,6 tháng lương tối thiểu chung; 3. Cấp xã loại 3 được khoán quỹ phụ cấp bằng 17,6 tháng lương tối thiểu chung.”) <p>3. Nhân viên thú y xã được đào tạo, bồi dưỡng theo quy định tại Khoản 1 Điều 15 của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.</p> <p>(Khoản 1 Điều 15 của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP quy định:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ hiện đang đảm nhiệm; khi được cử đi đào tạo, bồi dưỡng, được hưởng chế độ như quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định này (bao gồm: Được cấp tài liệu học tập; Được hỗ trợ một phần tiền ăn trong thời gian đi học tập trung; Được hỗ trợ chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập). <p>- Tại Danh mục kết quả hệ thống hóa kỳ 2014-2018 ban hành kèm theo Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 28/02/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh đã xác định hình thức bãi bỏ vẫn</p>

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị bãi bỏ
3.	Nghị quyết	26/2009/NQ-HĐND ngày 09/12/2009	Sửa đổi điểm c, khoản 3, Điều 1, Nghị quyết số 31/2008/NQ-HĐND ngày 10/12/2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI, kỳ họp thứ 14 về Quy định chính sách hỗ trợ giáo viên mầm non; đào tạo cán bộ y tế; phụ cấp cán bộ, công chức bộ phận “một cửa”; cán bộ thú y cơ sở; bổ sung đối tượng, nội dung hưởng chính sách hỗ trợ từ “Quỹ hỗ trợ ổn định đời sống, học tập, đào tạo nghề và việc làm cho người dân khi Nhà nước thu hồi từ 50% đất sản xuất nông nghiệp trở lên”	<p>bản này, tuy nhiên, chưa được tham mưu xử lý theo quy định.</p> <p>- Tại thời điểm rà soát, toàn bộ nội dung của Nghị quyết không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành:</p> <p>Điều 1 Nghị quyết quy định : “c) Kinh phí chi trả phụ cấp cho cán bộ, công chức bộ phận “một cửa” trong kế hoạch kinh phí của địa phương, đơn vị (cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ở các cấp làm việc ngày thứ bảy để tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Quyết định số 127/2007/QĐ-TTg ngày 01/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ thì được hưởng lương làm thêm giờ theo quy định tại Thông tư số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính và Công văn số 5341/BTC-HCSN ngày 12/5/2008 của Bộ Tài chính).”</p> <p>Việc viện dẫn áp dụng Quyết định số 127/2007/QĐ-TTg tại thời điểm rà soát đã hết hiệu lực và được thay thế bằng Quyết định số 14/2010/QĐ-TTg ngày 12/2/2010 của Thủ tướng Chính phủ Về làm việc ngày thứ bảy hàng tuần để tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.</p> <p>- Mặt khác, hiện nay, trên địa bàn tỉnh Bắc Giang cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ở các cấp làm việc từ thứ hai đến thứ sáu, không làm việc ngày thứ bảy để tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Quyết định số 68/2010/QĐ-UBND ngày 18/6/2010 của UBND tỉnh Về lĩnh vực, thời gian tổ chức làm việc ngày thứ bảy hàng tuần để tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tại một số cơ quan, đơn vị và UBND cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh bị bãi bỏ bởi Quyết định số 641/QĐ-UBND ngày 02/12/2013 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ Quyết định số 68/2010/QĐ-UBND ngày 18/6/2010 của UBND tỉnh.</p> <p>- Đồng thời, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 11/7/2013 quy định mức chi cho bảo đảm công tác cải cách hành chính Nhà nước và các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bắc Giang điều chỉnh nội dung trên.</p> <p>- Tại Danh mục kết quả hệ thống hóa kỳ 2014-2018 ban hành kèm theo Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 28/02/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh đã xác định hình thức bãi bỏ văn bản này, tuy nhiên, chưa được tham mưu xử lý theo quy định.</p>
4.	Nghị quyết	07/2010/NQ-HĐND ngày 15/7/2010	Quy định nhiệm vụ chi kinh phí sự nghiệp môi trường do ngân sách Nhà	<p>- Căn cứ pháp lý hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng văn bản khác: + Luật Ngân sách nhà nước năm 2002 hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 + Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng Luật Bảo vệ</p>

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị bãi bỏ
			nước bảo đảm trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	<p>môi trường năm 2014</p> <p>+ Nghị định số 60/2003/ND-CP năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng Nghị định số 163/2016/ND-CP năm 2016 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước</p> <p>+ Thông tư liên tịch số 45/2010/TTLT-BTC-BTNMT ngày 30/3/2010 của liên Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc quản lý kinh phí sự nghiệp môi trường hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp môi trường</p> <p>- Nội dung Điều 5, Điều 6 không còn phù hợp với khoản 2 Điều 4 Thông tư số 02/2017/TT-BTC, cụ thể:</p> <p>“Điều 5. Nhiệm vụ chi kinh phí sự nghiệp môi trường cấp tỉnh</p> <p>1. Đảm bảo hoạt động của hệ thống quan trắc và phân tích môi trường theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 18/8/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2010 đến 2020; thực hiện các chương trình quan trắc môi trường phục vụ công tác quản lý nhà nước bảo vệ môi trường.</p> <p>2. Hỗ trợ các nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm các nội dung: xây dựng dự án, điều tra khảo sát, đánh giá tình hình ô nhiễm, thực hiện xử lý ô nhiễm môi trường, mua bán quyền công nghệ xử lý chất thải (nếu có), kiểm tra, nghiệm thu dự án:</p> <p>- Dự án xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc khu vực công ích do tỉnh quản lý nằm trong danh mục dự án theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg ngày 22/4/2003 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.</p> <p>- Dự án xử lý chất thải cho một số bệnh viện, cơ sở y tế, trường học thụ hưởng ngân sách tỉnh và các cơ sở giam giữ của nhà nước do cấp tỉnh quản lý không có nguồn thu hoặc nguồn thu thấp.</p> <p>- Các dự án, đề án về bảo vệ môi trường bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường theo quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh.</p> <p>3. Thực hiện phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường địa phương, bao gồm: hỗ trợ trang thiết bị và hoạt động về ứng cứu các sự cố môi trường, hỗ trợ xử lý môi trường sau sự cố môi trường.</p>

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	<p style="text-align: center;">Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị bãi bỏ</p>
				<p>4. Quản lý các khu bảo tồn thiên nhiên của Nhà nước; quản lý cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng, nhân giống một số loài động vật quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng do cấp tỉnh quản lý.</p> <p>5. Xây dựng và duy trì hoạt động hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường của cấp tỉnh (bao gồm: thu thập, xử lý và trao đổi thông tin); hệ thống thông tin cảnh báo môi trường cộng đồng.</p> <p>6. Báo cáo môi trường định kỳ và đột xuất; thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền của tỉnh.</p> <p>7. Xây dựng và ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật, quy trình kỹ thuật về bảo vệ môi trường ở địa phương; xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về bảo vệ môi trường.</p> <p>8. Hoạt động nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường địa phương; Hỗ trợ lực lượng cảnh sát môi trường tỉnh phòng chống tội phạm, vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.</p> <p>9. Tuyên truyền, tập huấn, nhân rộng các điển hình tiên tiến về bảo vệ môi trường địa phương tỉnh.</p> <p>10. Chi giải thưởng, khen thưởng về bảo vệ môi trường hàng năm cho tổ chức, cá nhân có thành tích đóng góp nhiệm vụ bảo vệ môi trường được Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.</p> <p>11. Hỗ trợ các ngành, cơ quan có liên quan của tỉnh phối hợp tổ chức các hoạt động bảo vệ môi trường địa phương.</p> <p>12. Hỗ trợ các hoạt động thực hiện các dự án, đề án bảo vệ và phát triển bền vững môi trường sinh thái, cảnh quan lưu vực sông Cầu theo tinh thần của Quyết định số 174/2006/QĐ-TTg ngày 28/7/2006 của Thủ tướng chính phủ.</p> <p>13. Hỗ trợ vốn đối ứng các dự án hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường địa phương do cấp tỉnh quản lý.</p> <p>14. Hỗ trợ Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh theo quy định quản lý ngân sách.</p> <p>15. Các hoạt động khác có liên quan đến nhiệm vụ bảo vệ môi trường thuộc cấp tỉnh.</p> <p>Điều 6. Nhiệm vụ chi kinh phí sự nghiệp môi trường các huyện, thành phố</p> <p>1. Hỗ trợ các nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm các nội dung: xây dựng dự án, điều tra khảo sát, đánh giá tình hình ô nhiễm, thực hiện xử lý ô nhiễm môi trường, mua bán quyền công nghệ xử lý chất thải (nếu có), kiểm tra, nghiệm thu dự án:</p>

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	<p style="text-align: center;">Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị bãi bỏ</p>
				<p>- Thu gom, vận chuyển, xử lý giám thiêu, tái chế, xử lý, chôn lấp chất thải ở địa bàn. Vận hành hoạt động các bãi chôn lấp chất thải hợp vệ sinh.</p> <p>- Dự án xử lý chất thải cho một số cơ sở y tế, trường học thụ hưởng ngân sách các huyện, thành phố không có nguồn thu hoặc nguồn thu thấp.</p> <p>- Các dự án, đề án bảo vệ môi trường bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường theo quyết định của Chủ tịch UBND các huyện, thành phố.</p> <p>2. Quản lý các công trình vệ sinh công cộng; hỗ trợ trang bị thiết bị, phương tiện thu gom rác thải sinh hoạt, vệ sinh môi trường ở khu dân cư, nơi công cộng.</p> <p>3. Thực hiện phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường địa phương, bao gồm: hỗ trợ trang thiết bị và hoạt động về ứng cứu các sự cố môi trường; hỗ trợ xử lý môi trường sau sự cố môi trường.</p> <p>4. Xây dựng và duy trì hoạt động hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường của cấp huyện (bao gồm: thu thập, xử lý và trao đổi thông tin); hệ thống thông tin cảnh báo môi trường cộng đồng.</p> <p>5. Báo cáo môi trường định kỳ và đột xuất; Xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền của các huyện, thành phố.</p> <p>6. Hoạt động nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường theo thẩm quyền các huyện, thành phố.</p> <p>7. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về môi trường; tập huấn chuyên môn nghiệp vụ bảo vệ môi trường, nhân rộng các điển hình tiên tiến bảo vệ môi trường địa bàn các huyện, thành phố.</p> <p>8. Chỉ giải thưởng, khen thưởng bảo vệ môi trường các huyện, thành phố cho các tổ chức và cá nhân có thành tích đóng góp vào nhiệm vụ bảo vệ môi trường trên địa bàn quản lý.</p> <p>9. Hợp đồng lao động có chuyên môn nghiệp vụ về môi trường ở các huyện, thành phố và cấp xã.</p> <p>10. Các hoạt động khác có liên quan đến nhiệm vụ bảo vệ môi trường thuộc các huyện, thành phố.”</p> <p>(Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 02/2017/TT-BTC quy định: “2. Nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương a) Xây dựng, điều chỉnh chiến lược, kế hoạch, quy trình kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường, chương trình, đề án về bảo vệ môi trường.”</p>

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	<p style="text-align: center;">Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị bãi bỏ</p>
				<p>trường của địa phương;</p> <p>b) Xây dựng, thẩm định và công bố quy hoạch bảo vệ môi trường địa phương; hoạt động thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của địa phương; thẩm định các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường được chỉ từ nguồn sự nghiệp môi trường, thuộc trách nhiệm của địa phương;</p> <p>c) Hoạt động của hệ thống quan trắc và phân tích môi trường do các cơ quan, đơn vị địa phương quản lý theo Quy hoạch tổng thể mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (bao gồm vận hành, bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa, hiệu chuẩn, kiểm định, thay thế thiết bị phụ trợ, công cụ, dụng cụ); xây dựng và thực hiện các chương trình quan trắc hiện trạng môi trường, các tác động đối với môi trường của địa phương;</p> <p>d) Hỗ trợ công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường của địa phương (bao gồm kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường, tác động xấu đến môi trường); xác định khu vực bị ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; phòng ngừa, ứng phó khác phục sự cố môi trường của địa phương;</p> <p>đ) Hỗ trợ công tác quản lý chất thải, điều tra, đánh giá các nguồn thải gây ô nhiễm môi trường, đánh giá sức chịu tải của môi trường, thuộc nhiệm vụ của địa phương theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thống kê, cập nhật tình hình phát sinh chất thải, sản phẩm thải bỏ.</p> <p>e) Hỗ trợ công tác xử lý ô nhiễm môi trường theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm các nội dung: điều tra khảo sát, phân tích đánh giá tình hình ô nhiễm môi trường, lập kế hoạch, đề án, dự án khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường, mua bán quyền công nghệ xử lý chất thải nếu có, kiểm tra, nghiệm thu dự án), gồm:</p> <p>- Dự án xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường trọng thuộc khu vực công ích do địa phương quản lý (đối với dự án có tính chất chỉ sự nghiệp bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường), thuộc danh mục dự án theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định 64/2003/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2003 về việc phê duyệt Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, Quyết định số 58/2008/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2008 về việc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách nhà nước nhằm xử lý triệt để, khắc phục ô nhiễm và giảm thiểu suy thoái môi trường cho một số đối tượng thuộc khu vực công ích, Quyết định số 1946/QĐ-TTg ngày 21 tháng 10 năm 2010 phê duyệt kế hoạch</p>

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	<p style="text-align: center;">Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị bãi bỏ</p>
				<p>xử lý, phòng ngừa ô nhiễm môi trường do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu trên phạm vi cả nước, Quyết định số 38/2011/QĐ-TTg ngày 5 tháng 7 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 58/2008/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1788/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2013 phê duyệt Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đến năm 2020) và các Quyết định sửa đổi, bổ sung khác của Thủ tướng Chính phủ;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ hoạt động thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý và chôn lấp chất thải sinh hoạt tại địa phương (không bao gồm hoạt động xây dựng cơ sở xử lý chất thải). - Dự án về bảo vệ môi trường khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền; <p>g) Hỗ trợ công tác bảo tồn đa dạng sinh học theo Thông tư liên tịch số 160/2014/TTLT-BTC-BTNMT ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ, dự án theo Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;</p> <p>h) Xây dựng và duy trì hoạt động hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường (bao gồm thu thập, xử lý, trao đổi thông tin, báo đường, sửa chữa, thay thế thiết bị lưu trữ hệ thống thông tin dữ liệu); thông kê môi trường, xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê môi trường địa phương; báo cáo công tác bảo vệ môi trường của địa phương;</p> <p>i) Quản lý các công trình vệ sinh công cộng; hỗ trợ thiết bị, phương tiện thu gom rác thải, vệ sinh môi trường ở nơi công cộng, khu dân cư theo quyết định của cấp có thẩm quyền; hỗ trợ các hoạt động bảo vệ môi trường của các tổ chức tự quản về môi trường (hợp tác xã, tổ dân phố, các tổ chức chính trị - xã hội). Nội dung hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định;</p> <p>k) Hỗ trợ duy trì, vận hành các công trình xử lý ô nhiễm môi trường công cộng; hỗ trợ sửa chữa, cải tạo các công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường cho các làng nghề được khuyến khích phát triển.</p> <p>l) Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường nhằm nâng cao nhận thức và ý thức bảo vệ môi trường (bao gồm xây dựng và phổ biến các mô hình, điển hình tiên tiến, tiêu biểu về phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm môi trường, quản lý chất thải, khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường theo quyết định của cấp có thẩm quyền); tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về bảo vệ môi trường; chi giải thưởng, khen thưởng về bảo vệ môi trường cho các tổ chức, cá nhân được cấp có thẩm quyền quyết định;</p>

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu, ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị bãi bỏ
				<p>m) Hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường (bao gồm bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học) thuộc trách nhiệm của địa phương và theo quyết định của cấp có thẩm quyền;</p> <p>n) Hoạt động kiểm tra các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án; hoạt động kiểm tra việc hoàn thành đề án bảo vệ môi trường chi tiết; kiểm tra, xác nhận hoàn thành khác phục ô nhiễm và cải thiện môi trường, hoạt động kiểm tra việc thực hiện giấy chứng nhận, giấy phép về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, thuộc trách nhiệm của địa phương;</p> <p>o) Hoạt động xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường; xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản (bao gồm văn phòng phẩm, phôtô tài liệu, làm thêm giờ, đi lại kiểm tra thực tế nếu có);</p> <p>p) Hoạt động của Ban chỉ đạo, Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền quyết định;</p> <p>q) Vốn đối ứng các dự án hợp tác quốc tế có tính chất chỉ sự nghiệp về bảo vệ môi trường;</p> <p>r) Hợp đồng lao động để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện, cấp xã;</p> <p>s) Các hoạt động bảo vệ môi trường khác thuộc trách nhiệm của địa phương.”)</p> <p>- Khoản 1 Điều 7 viện dẫn đến Thông tư liên tịch số 45/2010/TTLT-BTC-BTNMT hiện nay đã hết hiệu lực được thay thế bằng Thông tư số 02/2017/TT-BTC.</p> <p>- Hiện nay, các văn bản QPPL của cơ quan Nhà nước ở Trung ương đã quy định cụ thể các nội dung này, do đó không cần thiết ban hành thay thế.</p>
5.	Nghị quyết	32/2010/NQ-HĐND ngày 10/12/2010	Về cấp vốn ban đầu và trích lập Quỹ phát triển đất	<p>- Phần căn cứ pháp lý ban hành: Tại thời điểm ban hành, các văn bản là căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết số 32/2010/NQ-HĐND là phù hợp. Tuy nhiên, tại thời điểm rà soát, văn bản là căn cứ pháp lý để ban hành đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng văn bản khác:</p> <p>+ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002 đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.</p> <p>+ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai.</p> <p>Tại thời điểm rà soát, toàn bộ nội dung của Nghị quyết không còn phù hợp vì đã hết thời gian thực hiện cấp vốn ban đầu cho Quỹ phát triển đất và trích 30% số thu tiền sử dụng đất, tiền</p>

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị bãi bỏ
				<p>đầu giá quyền sử dụng đất:</p> <p>Điều 1 quy định: 1. Cấp vốn ban đầu cho Quỹ phát triển đất 20.000.000.000đ (Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng chẵn) từ nguồn ngân sách tỉnh. Việc cấp vốn ban đầu được thực hiện trong 02 năm 2011 và 2012, mỗi năm 10 tỷ đồng.</p> <p>2. Trích 30% số thu tiền sử dụng đất, tiền đầu giá quyền sử dụng đất theo dự toán giao thu hàng năm trong thời kỳ ổn định ngân sách 2011 – 2015 (sau khi trừ các khoản chi để bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và các chi phí có liên quan khác) để lập Quỹ phát triển đất của tỉnh.</p> <p>- Tại Danh mục kết quả hệ thống hóa kỳ 2014-2018 ban hành kèm theo Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 28/02/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh đã xác định hình thức bãi bỏ văn bản này, tuy nhiên, chưa được tham mưu xử lý theo quy định.</p> <p>- Về căn cứ pháp lý hết hiệu lực:</p> <p>+ Luật Phòng, chống ma túy ngày 09/12/2000; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma túy ngày 03/6/2008 được thay thế bằng Luật Phòng, chống ma túy ngày 30/03/2021</p> <p>+ Nghị định số 94/2009/NĐ-CP ngày 26/10/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma túy về quản lý sau cai nghiện ma túy được thay thế bằng Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;</p> <p>+ Thông tư liên tịch số 121/2010/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 12/8/2010 của liên Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn chế độ hỗ trợ đối với người sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú; chế độ đóng góp và hỗ trợ đối với người sau cai nghiện ma túy tại Trung tâm quản lý sau cai nghiện được thay thế bằng Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05/10/2022 của Bộ Tài chính Quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy</p> <p>Về nội dung: Tại thời điểm rà soát việc thực hiện các quy định chế độ đóng góp và miễn giảm đối với người sau cai nghiện ma túy tại Trung tâm Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh được thực hiện theo Luật Phòng, chống ma túy ngày 30/03/2021; trong đó không quy định người sau cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh.</p>
6.	Nghị quyết	32/2011/NQ-HĐND ngày 09/12/2011	Quy định chế độ đóng góp và miễn giảm đối với người sau cai nghiện ma túy tại Trung tâm Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh	

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị bãi bỏ
7.	Nghị quyết	29/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015	Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư cho các huyện, thành phố giai đoạn 2016-2020	Do vậy các nội dung của Nghị quyết số 32/2011/NQ-HĐND không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và không cần thiết ban hành văn bản thay thế.
8.	Nghị quyết	12/2016/NQ-HĐND ngày 05/7/2016	Quy định mức thu học phí tại các cơ sở giáo dục công lập tỉnh Bắc Giang từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021	<p>Nghị quyết đã hết giai đoạn thực hiện, tuy nhiên, Nghị quyết không có quy định xác định thời gian vẫn ban hết hiệu lực và không thuộc trường hợp văn bản QPPL hết hiệu lực quy định tại Điều 154 Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015</p> <p>Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản. 2. Được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó. 3. Bị bãi bỏ bằng một văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. 4. Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thì văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành văn bản đó cũng đồng thời hết hiệu lực. <p>Do đó, cần thiết phải bãi bỏ văn bản để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, thống nhất trong hệ thống văn bản QPPL của địa phương.</p>
9.	Nghị quyết	34/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016	Quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng cảng, bến thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2017 - 2020	<p>Nghị quyết đã hết giai đoạn thực hiện, tuy nhiên, Nghị quyết không có quy định xác định thời gian vẫn ban hết hiệu lực và không thuộc trường hợp văn bản QPPL hết hiệu lực quy định tại Điều 154 Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015 như lý do đã nêu trên. Do đó, cần thiết phải bãi bỏ văn bản để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, thống nhất trong hệ thống văn bản QPPL của địa phương.</p>

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị bãi bỏ
10.	Nghị quyết	07/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017	Quy định chính sách hỗ trợ cứng hóa đường trục thôn, đường liên thôn và đường nội đồng gắn với giao thông liên thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2017-2021	Nghị quyết đã hết giai đoạn thực hiện, tuy nhiên, Nghị quyết không có quy định xác định thời gian văn bản hết hiệu lực và không thuộc trường hợp văn bản QPPL hết hiệu lực quy định tại Điều 154 Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015 như lý do đã nêu trên. Do đó, cần thiết phải bãi bỏ văn bản để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, thống nhất trong hệ thống văn bản QPPL của địa phương.
11.	Nghị quyết	06/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ cứng hóa đường trục thôn, đường liên thôn và đường nội đồng gắn với giao thông liên thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2017-2021	
12.	Nghị quyết	37/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	Ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025	<p>Căn cứ pháp lý hết hiệu lực: Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được thay thế bằng Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa</p> <p>- Một số nội dung không còn phù hợp và chưa được điều chỉnh để phù hợp với tình hình phát triển kinh tế, xã hội của địa phương: - Toàn bộ quy định hỗ trợ mặt bằng sản xuất; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và hỗ trợ tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị</p>

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu, ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	<p style="text-align: center;">Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị bãi bỏ</p>
				<p>(điều kiện hỗ trợ, mức hỗ trợ, trình tự thủ tục) không phù hợp với quy định của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP và tình hình thực tế của địa phương.</p> <p>- Văn bản được viện dẫn đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng văn bản khác:</p> <p>+ Điều 3- Nguyên tắc áp dụng, Điều 7- Trình tự, thủ tục thực hiện, Điều 8- Điều kiện hỗ trợ, Điều 9- Mức hỗ trợ, Điều 10- Trình tự, thủ tục thực hiện, Điều 11- Điều kiện hỗ trợ, Điều 12. Mức hỗ trợ viện dẫn Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.</p> <p>Bên cạnh đó, hiện nay các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính đã ban hành các Thông tư:</p> <p>+ Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;</p> <p>+ Thông tư số 52/2023/TT-BTC ngày 08/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước chi thường xuyên hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và vừa theo quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ;</p> <p>+ Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 24/7/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024 và kế hoạch tài chính – ngân sách Nhà nước 3 năm 2024-2026;</p> <p>- Hiện nay, Nghị định số 80/2021/NĐ-CP đã quy định cụ thể các nội dung này, do đó không cần thiết ban hành văn bản thay thế.</p>

Số: 71 /BC-HĐND

Bắc Giang, ngày 28 tháng 5 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thẩm tra dự thảo Nghị quyết bãi bỏ 12 Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, Ban pháp chế HĐND tỉnh đã tổ chức thẩm tra dự thảo Nghị quyết bãi bỏ 12 Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh do UBND tỉnh trình kỳ họp thứ 17, HĐND tỉnh Khóa XIX, nhiệm kỳ 2021-2026.

Qua thẩm tra, Ban pháp chế HĐND tỉnh báo cáo kết quả như sau:

1. Về sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Ban pháp chế HĐND tỉnh nhất trí với sự cần thiết ban hành Nghị quyết bãi bỏ 12 Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh. Dự thảo Nghị quyết do UBND tỉnh xây dựng đảm bảo cơ sở chính trị, pháp lý, thực tiễn, phù hợp với quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản pháp luật khác có liên quan⁽¹⁾.

Theo Danh mục văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh Bắc Giang ban hành cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới trong kỳ hệ thống hóa 2019-2023 ban hành kèm theo Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 29/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh có 12 Nghị quyết của HĐND tỉnh thuộc nhiều lĩnh vực quản lý Nhà nước cần xử lý bằng hình thức “bãi bỏ” do đối tượng điều chỉnh của văn bản không còn hoặc phần lớn quy định của văn bản trái, chồng chéo, mâu thuẫn với văn bản pháp luật là căn cứ pháp lý ban hành, không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội mà không cần thiết ban hành văn bản để thay thế. Trên thực tiễn, việc ban hành 01 Nghị quyết để bãi bỏ

⁽¹⁾ Điều 12 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015- được sửa đổi tại Khoản 3 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2020 quy định: “1. Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được ... bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó...”; “3. Một văn bản quy phạm pháp luật có thể được ban hành để đồng thời sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ nội dung trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật do cùng cơ quan ban hành...”.

Điều a khoản 1 Điều 143 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL quy định: “1. ...a) Bãi bỏ toàn bộ văn bản được áp dụng trong trường hợp đối tượng điều chỉnh của văn bản không còn hoặc toàn bộ quy định của văn bản trái, chồng chéo, mâu thuẫn với văn bản là căn cứ để rà soát hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội mà không cần thiết ban hành văn bản để thay thế”.

12 Nghị quyết trong kỳ hệ thống hóa 2019-2023 sẽ rút ngắn thời gian soạn thảo và đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống văn bản QPPL.

Do đó, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết bãi bỏ 12 Nghị quyết của HĐND tỉnh trong kỳ hệ thống hóa 2019-2023 là cần thiết.

2. Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục và thể thức

Dự thảo Nghị quyết được xây dựng đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thể thức theo quy định Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/05/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/05/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

3. Về nội dung tờ trình, dự thảo Nghị quyết

Ban Pháp chế nhất trí với Tờ trình, dự thảo Nghị quyết của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh đề nghị bãi bỏ 12 Nghị quyết của HĐND tỉnh trong kỳ hệ thống hóa văn bản 2019-2023, gồm:

3.1. Nghị quyết số 51/2001/NQ-HĐND ngày 25/7/2001 Quy định về việc cấp kinh phí hoạt động cho đại biểu HĐND tỉnh ở đơn vị sản xuất kinh doanh, đại biểu không thuộc biên chế nhà nước;

3.2. Nghị quyết số 31/2008/NQ-HĐND ngày 10/12/2008 Về việc Quy định chính sách hỗ trợ giáo viên mầm non; đào tạo cán bộ y tế; phụ cấp cán bộ, công chức bộ phận “một cửa”; cán bộ thú y cơ sở; bổ sung đối tượng, nội dung hưởng chính sách hỗ trợ từ “Quỹ hỗ trợ ổn định đời sống, học tập, đào tạo nghề và việc làm cho người dân khi Nhà nước thu hồi từ 50% đất sản xuất nông nghiệp trở lên”;

3.3. Nghị quyết số 26/2009/NQ-HĐND ngày 09/12/2009 Sửa đổi điểm c, khoản 3, Điều 1, Nghị quyết số 31/2008/NQ-HĐND ngày 10/12/2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI, kỳ họp thứ 14 về Quy định chính sách hỗ trợ giáo viên mầm non; đào tạo cán bộ y tế; phụ cấp cán bộ, công chức bộ phận “một cửa”; cán bộ thú y cơ sở; bổ sung đối tượng, nội dung hưởng chính sách hỗ trợ từ “Quỹ hỗ trợ ổn định đời sống, học tập, đào tạo nghề và việc làm cho người dân khi Nhà nước thu hồi từ 50% đất sản xuất nông nghiệp trở lên”;

3.4. Nghị quyết số 07/2010/NQ-HĐND ngày 15/7/2010 Quy định nhiệm vụ chi kinh phí sự nghiệp môi trường do ngân sách Nhà nước bảo đảm trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

3.5. Nghị quyết số 32/2010/NQ-HĐND ngày 10/12/2010 Về cấp vốn ban đầu và trích lập Quỹ phát triển đất;

3.6. Nghị quyết số 32/2011/NQ-HĐND ngày 09/12/2011 Quy định chế độ đóng góp và miễn giảm đối với người sau cai nghiện ma túy tại Trung tâm Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh;

3.7. Nghị quyết số 29/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư cho các huyện, thành phố giai đoạn 2016-2020;

3.8. Nghị quyết số 12/2016/NQ-HĐND ngày 05/7/2016 Quy định mức thu học phí tại các cơ sở giáo dục công lập tỉnh Bắc Giang từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021;

3.9. Nghị quyết số 34/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 Quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng cảng, bến thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2017-2020;

3.10. Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 Quy định chính sách hỗ trợ cứng hóa đường trục thôn, đường liên thôn và đường nội đồng gắn với giao thông liên thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2017-2021;

3.11. Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ cứng hóa đường trục thôn, đường liên thôn và đường nội đồng gắn với giao thông liên thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2017-2021;

3.12. Nghị quyết số 37/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 Ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025.

Trên đây là kết quả thẩm tra đối với dự thảo Nghị quyết bãi bỏ 12 Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh trình kỳ họp thứ 17, HĐND tỉnh khóa XIX, nhiệm kỳ 2021-2026.

Ban pháp chế trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- TT. Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, CTHĐND.

TM. BAN PHÁP CHẾ



Đặng Hồng Chiến

Số: 100 /BC-STP

Bắc Giang, ngày 08 tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO

Tổng hợp ý kiến đóng góp của các cơ quan, đơn vị đối với dự thảo Nghị quyết bãi bỏ 12 Nghị quyết của HĐND tỉnh

Thực hiện quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP¹; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP²; trên cơ sở tổng hợp kết quả rà soát, hệ thống hóa và đề xuất hình thức xử lý³ của các cơ quan nêu tại Danh mục văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh Bắc Giang ban hành cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới trong kỳ hệ thống hóa 2019-2023 ban hành kèm theo Quyết định số 387/QĐ-UBND⁴; Sở Tư pháp xây dựng dự thảo Nghị quyết bãi bỏ 12 Nghị quyết của HĐND tỉnh, đồng thời ban hành Công văn số 482/STP-VB&QLXLVPHC ngày 02/4/2024 về việc đề nghị tham gia ý kiến dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh gửi các cơ quan thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Kết quả tổng hợp ý kiến: 29/30 cơ quan, đơn vị có ý kiến nhất trí; Sở Khoa học và Công nghệ có ý kiến: Tại Điều 2, bổ sung và viết thành 02 Khoản: "Khoản 1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật. Khoản 2. *Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết*". Tuy nhiên, nội dung dự thảo Nghị quyết là bãi bỏ 12 Nghị quyết của HĐND tỉnh, chấm dứt hiệu lực, không áp dụng thực hiện, do đó không có nội dung giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết, vì vậy Sở Tư pháp không tiếp thu ý kiến tham gia của Sở Khoa học và Công nghệ.

Sở Tư pháp báo cáo UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VB&QLXLVPHC.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trương Ngọc Bích

¹ ngày 14/05/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật

² ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi Nghị định 34/2016/NĐ-CP hướng dẫn Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật

³ trong đó có 12 Nghị quyết của HĐND tỉnh thuộc các lĩnh vực quản lý Nhà nước cần xử lý bằng hình thức bãi bỏ

⁴ ngày 29/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành trong kỳ hệ thống hóa 2019-2023

UBND TỈNH BẮC GIANG
BAN DÂN TỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 285 /BDT-TTr

Bắc Giang, ngày 05 tháng 4 năm 2024

V/v tham gia ý kiến dự thảo
Nghị quyết của HĐND tỉnh

Kính gửi: Sở Tư pháp.

Căn cứ Công văn số 482/STP-VB&QLXLVPHC ngày 02/4/2024 của Sở Tư pháp về việc đề nghị tham gia ý kiến dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết bãi bỏ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang, Ban Dân tộc nhất trí với nội dung dự thảo đã nêu.

Ban Dân tộc gửi Sở Tư pháp tổng hợp, trình UBND tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- LĐ Ban;
- Các phòng, đơn vị thuộc Ban;
- Lưu: VT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Trương Văn Bảo

UBND TỈNH BẮC GIANG
BAN QLDA ĐTXD CÁC CTGT, NN

Số: 191/BQLDA-HC

V/v tham gia ý kiến dự thảo Nghị quyết của
HĐND tỉnh.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày 03 tháng 4 năm 2024

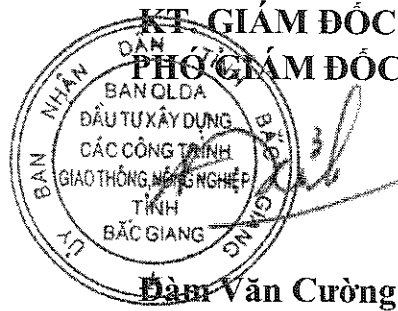
Kính gửi: Sở Tư pháp

Thực hiện Công văn số 482/STP-VB&QLXLVPHC ngày 02/4/2024 của Sở Tư pháp về việc đề nghị tham gia ý kiến Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh Bắc Giang hoàn toàn nhất trí Dự thảo Nghị quyết Bãi bỏ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Kính đề nghị Sở Tư pháp tổng hợp, báo cáo theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HC_{Nam}.



UBND TỈNH BẮC GIANG
ĐÀI PHÁT THANH VÀ TRUYỀN HÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 142./PT&TH-TC&HC

Bắc Giang, ngày 03 tháng 04 năm 2024

V/v góp ý dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh

Kính gửi: Sở Tư pháp

Thực hiện công văn số 482/ STP-VB&QLXLVPHC ngày 02/4/2024 của Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang về việc đề nghị tham gia ý kiến dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Sau khi nghiên cứu dự thảo, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Bắc Giang nhất trí với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh và không có ý kiến gì khác.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Giang Nam

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 461 /UBND-TP
V/v tham gia ý kiến dự thảo
Nghị quyết của HĐND tỉnh

Lục Ngạn, ngày 05 tháng 04 năm 2024

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang.

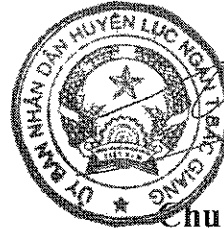
Thực hiện Văn bản số 482/STP-VB&QLXLVPHC ngày 02/4/2024 của Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang về việc đề nghị tham gia ý kiến dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Căn cứ quy định của pháp luật hiện hành, tình hình thực tiễn tại địa phương, sau khi nghiên cứu, Chủ tịch UBND huyện Lục Ngạn nhất trí với nội dung dự thảo Nghị quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng Tư pháp;
- LĐVP, CVVX;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Chu Văn Trọng

**UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ CÔNG THƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 470 /SCT-VP

V/v tham gia ý kiến dự thảo Nghị
quyết Bãi bỏ các Nghị quyết của
HĐND tỉnh

Bắc Giang, ngày 05 tháng 4 năm 2024

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang

Sở Công Thương nhận được Công văn số 482/STP-VB&QLXLVPHC ngày 02/4/2024 của Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang về việc tham gia ý kiến dự thảo Nghị quyết Bãi bỏ các Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết Bãi bỏ các Nghị quyết của HĐND tỉnh. Sở Công Thương nhất trí với bản dự thảo Nghị quyết.

Sở Công Thương đề nghị Sở Tư pháp tổng hợp, trình theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD; PGD Phương;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Phương

**UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 551 /SGDDĐT-TTr
V/v tham gia ý kiến dự thảo
Nghị quyết của HĐND tỉnh

Bắc Giang, ngày 09 tháng 4 năm 2024

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang

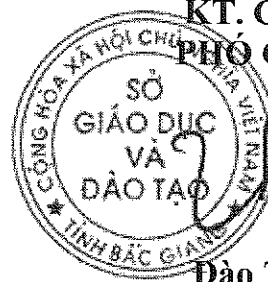
Căn cứ Công văn số 482/STP-VB&QLXLVPHC ngày 02/4/2024 của Sở Tư pháp về việc đề nghị tham gia ý kiến vào dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) Bắc Giang có ý kiến như sau:

Sở GDĐT đã tổ chức nghiên cứu và nhất trí với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh do Sở Tư pháp xây dựng gửi kèm Công văn.

Sở GDĐT trân trọng gửi Sở Tư pháp tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở GDĐT;
- TTr, VP, các phòng thuộc Sở GDĐT;
- Lưu: VT, TTr.Tuần.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đào Thị Hương

**UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 780 /SGTVT – VP

Bắc Giang, ngày 03 tháng 4 năm 2024

V/v tham gia ý kiến dự thảo Nghị
quyết của HĐND tỉnh

Kính gửi: Sở Tư pháp.

Căn cứ công văn số 482/STP-VB&QLXLVPHC ngày 02/4/2024 của Sở Tư pháp về việc đề nghị tham gia ý kiến dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Sau khi nghiên cứu, Sở Giao thông vận tải xin nhất trí với nội dung dự thảo Nghị quyết Bãi bỏ các Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Sở Giao thông vận tải trân trọng tham gia ý kiến./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Xuân Đông

**UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 419 /KH-CN-TTr

Bắc Giang, ngày 04 tháng 4 năm 2024

V/v tham gia ý kiến dự thảo Nghị
quyết của HĐND tỉnh

Kính gửi: Sở Tư pháp

Ngày 02/4/2024, Sở Khoa học và Công nghệ nhận được Công văn số 482/STP-VB&QLXLVPHC của Sở Tư pháp đề nghị tham gia ý kiến dự thảo Nghị quyết Bãi bỏ các Nghị quyết của HĐND tỉnh. Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết, Sở Khoa học và Công nghệ có ý kiến tham gia, như sau:

Về cơ bản nhất dự thảo Nghị quyết Bãi bỏ 12 Nghị quyết của HĐND tỉnh, trên cơ sở kết quả hệ thống hóa kỳ 2019-2023 tại Quyết định số 387/QĐUBND ngày 29/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố kết quả hệ thống hóa văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành trong kỳ hệ thống hóa 2019-2023.

Để dự thảo Nghị quyết được hoàn thiện và chặt chẽ hơn đáp ứng quy định, cơ quan soạn thảo xem xét hoàn thiện một số nội dung sau:

- Tại Điều 2: bổ sung và viết thành 02 Khoản: "Khoản 1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật. Khoản 2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết".

Trên đây là một số ý kiến tham gia, Sở Khoa học và Công nghệ gửi Sở Tư pháp, nghiên cứu, tổng hợp.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, TTr.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Triệu Ngọc Trung

UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1159/SKHĐT-KGVX

Bắc Giang, ngày 11 tháng 4 năm 2024

V/v tham gia ý kiến dự thảo
Nghị quyết của HĐND tỉnh

Kính gửi: Sở Tư pháp

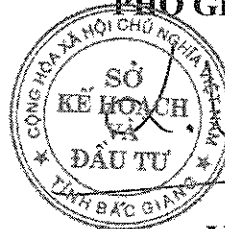
Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận được Công văn số 482/STP-VB&QLXLVPHC ngày 02/4/2024 của Sở Tư pháp về việc đề nghị tham gia ý kiến dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh, sau khi nghiên cứu Sở Kế hoạch và Đầu tư nhất trí với dự thảo do Sở Tư pháp soạn thảo.

Đề nghị Sở Tư pháp tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (b/c);
- Lưu VT, KGVX (HN).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lương Văn Nghiệp

UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 777 /LĐTB&XH-VP

Bắc Giang, ngày 18 tháng 3 năm 2024

V/v gửi ý kiến góp ý đối hồ sơ
dự thảo văn bản QPPL

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang

Sở Lao động – Thương binh và Xã hội nhận được Công văn số 364/STP-VB&QLXLVPHC ngày 12/3/2024 của quý Cơ quan về việc đề nghị tham gia ý kiến hồ sơ dự thảo đề nghị xây dựng Nghị quyết Bãi bỏ các Nghị quyết của HĐND tỉnh, dự thảo Quyết định Bãi bỏ các Quyết định của UBND tỉnh;

Sau khi nghiên cứu, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội nhất trí với nội dung của bản dự thảo Nghị quyết Bãi bỏ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang và dự thảo Quyết định Bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Vậy, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội trân trọng gửi ý kiến góp ý Sở Tư pháp tổng hợp theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, VP.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Văn Hà

UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 996 /LĐTB&XH-VP

Bắc Giang, ngày 03 tháng 4 năm 2024

V/v gửi ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết
của Hội đồng nhân dân tỉnh

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang

Sở Lao động – Thương binh và Xã hội nhận được Công văn số 482/STP-VB&QLXLVPHC ngày 02/4/2024 của Quý Cơ quan về việc đề nghị tham gia ý kiến dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; sau khi nghiên cứu, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội có ý kiến như sau:

1. Đề nghị Sở Tư pháp xem xét điều chỉnh tên gọi văn bản nêu tại điểm 6 điều 1 dự thảo Nghị quyết như sau:

“Nghị quyết số 32/2011/NQ-HĐND ngày 09/12/2011 Ban hành Quy định chế độ đóng góp và miễn, giảm đối với người sau cai nghiện ma túy tại Trung tâm Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh”.

2. Đối với các nội dung, danh mục khác, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nhất trí, không có ý kiến bổ sung.

Vậy Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trân trọng gửi ý kiến góp ý để Sở Tư pháp tổng hợp theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Phòng phòng chống tệ nạn xã hội;
- Lưu: VT, VP.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Văn Hà

UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ NGOẠI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 296 /SNgV-VP

Bắc Giang, ngày 04 tháng 4 năm 2024

V/v tham gia ý kiến dự thảo
Nghị quyết của HĐND tỉnh

Kính gửi: Sở Tư pháp.

Phúc đáp Công văn số 482/STP-VB&QLXLVPHC ngày 02/4/2024 của Sở Tư pháp về việc đề nghị tham gia ý kiến dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh; sau khi nghiên cứu, Sở Ngoại vụ nhất trí với nội dung dự thảo Nghị quyết.

Sở Ngoại vụ trân trọng gửi Sở Tư pháp để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Dương Tuyền

UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ NỘI VỤ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 622 /SNV-VP
V/v đề nghị tham gia ý kiến dự
thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh

Bắc Giang, ngày 10 tháng 4 năm 2024

Kính gửi: Sở Tư pháp

Ngày 02 tháng 4 năm 2024 Sở Nội vụ nhận được Công văn số 482/STP-VB&QLXLVPHC của Sở Tư pháp về việc đề nghị tham gia ý kiến dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh;

Sau khi nghiên cứu nội dung Sở Nội vụ nhất trí với dự thảo bãi bỏ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Sở Nội vụ đề nghị Sở Tư pháp tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Quang Đông

UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 957/STC-TTr
V/v tham gia ý dự thảo
Nghị quyết của HĐND tỉnh

Bắc Giang, ngày 11 tháng 4 năm 2024

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang

Căn cứ Công văn số: 482/STP-VB&QLXLVPHC ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Sở Tư pháp về việc đề nghị tham gia ý kiến dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

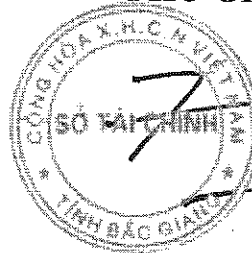
Sau khi nghiên cứu nội dung, Sở Tài chính nhất trí với các nội dung trong dự thảo Nghị quyết bãi bỏ các Nghị quyết của HĐND tỉnh gửi kèm Công văn số: 482/STP ngày 02/4/2024 của Sở Tư pháp.

Đề nghị Sở Tư pháp tổng hợp, hoàn chỉnh nội dung trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Thanh tra;
- Lưu: VT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Bùi Văn Huy

UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1294 /STNMT-TTS
V/v tham gia ý kiến vào dự thảo
Nghị quyết của HĐND tỉnh

Bắc Giang, ngày 03 tháng 4 năm 2024

Kính gửi: Sở Tư pháp.

Căn cứ Công văn số 482/STP-VB&QLXLVPHC ngày 02/4/2024 của Sở Tư pháp về việc đề nghị tham gia ý kiến dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Qua nghiên cứu, Sở Tài nguyên và Môi trường nhất trí với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Vậy, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến tham gia để Sở Tư pháp tổng hợp, báo cáo theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- LDS;
- VPS, TTS;
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Ngô Văn Xuyên

UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1294 /STNMT-TTS
V/v tham gia ý kiến vào dự thảo
Nghị quyết của HĐND tỉnh

Bắc Giang, ngày 03 tháng 4 năm 2024

Kính gửi: Sở Tư pháp.

Căn cứ Công văn số 482/STP-VB&QLXLVPHC ngày 02/4/2024 của Sở Tư pháp về việc đề nghị tham gia ý kiến dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Qua nghiên cứu, Sở Tài nguyên và Môi trường nhất trí với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Vậy, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến tham gia để Sở Tư pháp tổng hợp, báo cáo theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- LDS;
- VPS, TTS;
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Ngô Văn Xuyên

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1026/UBND -TP
V/v tham gia ý kiến vào dự thảo
Nghị quyết của HĐND tỉnh

TP. Bắc Giang, ngày 03 tháng 4 năm 2024

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang.

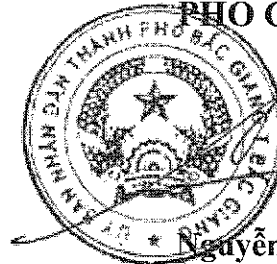
Căn cứ Công văn số 482/STP-VB&QLXLVPHC ngày 02/4/2024 của Sở Tư pháp về việc đề nghị tham gia ý kiến vào dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh (Công văn số 482/STP-VB&QLXLVPHC);

Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết Bãi bỏ các Nghị quyết của HĐND tỉnh được gửi kèm theo Công văn số 482/STP-VB&QLXLVPHC; Chủ tịch UBND thành phố nhất trí với nội dung của dự thảo, báo cáo Sở Tư pháp tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, PCT TT UBND thành phố;
- Phòng Tư pháp;
- CVNC VP HĐND-UBND thành phố;
- Lưu: VT.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tiến Dũng

